TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 103/2026/QĐST-DS	*Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 615, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 80/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế"*;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm c tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Án phí dân sự sơ thẩm, danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1982; Số CCCD: 042082001348; Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường B, tỉnh Hà Tĩnh;

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1984; Số CCCD: 042184017766; Địa chỉ: Số nhà B, đường H, Tổ dân phố G, phường B, tỉnh Hà Tĩnh;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phan Thị T, sinh năm: 1982; Số CCCD: 042182016488; Địa chỉ: TDP N, phường B, tỉnh Hà Tĩnh (Có đơn xin từ chối nhận di sản thừa kế);

+ Anh Trần Đức A, sinh năm: 2006; Số CCCD: 042206002321; Địa chỉ: TDP N, phường B, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản yêu cầu chia thừa kế:

Các đương sự thỏa thuận thống nhất thửa đất số 92, tờ bản đồ số 23 diện tích 587,4m^2 (trong đó có 200 m^2 đất ở, 387,4 m^2 đất trồng cây lâu năm) theo Quyết định số I 104 (GP/UB) được UBND thị xã H cấp ngày 28/01/1994 cho ông Trần Quang B tại địa chỉ: HTX B, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tổ dân phố G, phường B, tỉnh Hà Tĩnh) là di sản thừa kế của ông Trần Quang B và bà Đậu Thị Đ1 để lại và cùng thống nhất chia đều thửa đất cho 03 người được hưởng thửa kế gồm: Ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị H, anh Trần Đức A, mỗi suất thửa kế được hưởng 195,8m2 đất trong đó có 66,66 m^2 đất ở và 129,14 m^2 đất trồng cây lâu năm.

2.2. Về cách chia, thứ tự, vị trí thửa đất mà các đồng thừa kế được hưởng như sau:

- Thửa thứ nhất chia cho ông Trần Văn Đ có diện tích 195,8 m^2 trong đó có 66,66 m^2 đất ở và 129,14 m^2 đất trồng cây lâu năm; có các điểm 1, 2, 8, 9 cụ thể như sau:

Từ điểm 1 đến điểm 2 dài 6,13 m.

Từ điểm 2 đến điểm 8 dài 32,31 m.

Từ điểm 8 đến điểm 9 dài 6,13 m

Từ điểm 9 đến điểm 1 dài 32, 20 m

- Thửa đất thứ hai chia cho bà Trần Thị H có diện tích 195,8 m^2 trong đó có 66,66 m^2 đất ở và 129,14 m^2 đất trồng cây lâu năm; có các điểm 2, 3, 6 ,7 ,8 cụ thể như sau:

Từ điểm 2 đến điểm 3 dài 6,13 m

Từ điểm 3 đến điểm 6 dài 32,22 m

Từ điểm 6 đến điểm 7 dài 2,32 m

Từ điểm 7 đến điểm 8 dài 3,82 m.

Từ điểm 8 đến điểm 2 dài 32, 31 m.

- Thửa đất thứ ba chia cho anh Trần Đức A có diện tích 195,8 m^2 trong đó có 66,66 m^2 đất ở và 129,14 m^2 đất trồng cây lâu năm; có các điểm 3, 4, 5, 6 cụ thể như sau:

Từ điểm 3 đến điểm 4 dài 6,06 m

Từ điểm 4 đến điểm 5 dài 31,74 m

Từ điểm 5 đến điểm 6 dài 6,40 m

Từ điểm 6 đến điểm 3 dài 32,22 m.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

2.3. Về tài sản trên đất thừa kế:

Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về giá đất: Các đương sự thống nhất thỏa thuận giá đất cụ thể như sau:

+ Về đất ở có giá: 9.600.000 đồng/ m^2.

+ Về đất trồng cây lâu năm có giá: 760.000 đồng/ m^2 .

* G từng thửa đất: Mỗi thửa có diện tích 195,8 m^2 (trong đó có 66,66 m^2 đất ở và 129,14 m^2 đất trồng cây lâu năm) các đương sự thỏa thuận như sau:

+ Về đất ở: 9.600.000 đồng x 66,66 m^2 = 639.936.000 đồng.

+ Về giá đất trồng cây lâu năm: 760.000 đồng x 129,14 m^2 = 98.146.400 đồng.

Tổng giá trị từng thửa đất: 738.082.400 đồng.

2.5. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Văn Đ thống nhất chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.800.000 đồng.

2.6. Về án phí giải quyết vụ án:

+ Ông Trần Văn Đ thống nhất chịu 16.762.000 đồng sau khi trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000257 ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, số tiền ông Trần Văn Đ phải nộp là 16.462.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

+ Bà Trần Thị H và anh Trần Đức A thống nhất mỗi người chịu 16.762.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3 - Hà Tĩnh;
- Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Đình Thông